

UYÊN MINH QUY ĐIỂN ĐÀU PHẢI ĐỂ LẤY DANH  
 ẮN SĨ THANH CAO PHÙ PHIỂM, TIẾNG TRUNG  
 NGHĨA SÁNG NGỜI TO TÁT MÀ ĐƠN GIẢN CHỈ LÀ  
 KHÔNG THỂ VÌ VINH CÁI THÂN MÀ MẤT CÁI NGÃ,  
 KHOM LUNG LÂM ĐIỀU TRÁI SỜ NGUYỆN BÌNH  
 SINH. TRONG CẢNH THỰC CỦA ÔNG QUYẾT ĐỊNH  
 TRÁNH XA NÔ LỆ QUAN QUYỀN, VỀ NHÀ LÀM  
 RUỘNG TRỒNG VƯỜN, THÂN NUÔI LẤY THÂN, LUI  
 GIỮ LẤY CHÚT TỰ TẠI CHO CÁI TÔI CỦA MÌNH LÀ  
 BIỂU HIỆN CHÂN THIẾT, TẬP TRUNG TÍNH CÁCH  
 CỔ CÙNG CỦA KẾ BIẾT CÁI THỨ NHẮN NHA HẢI  
 CÚC BÊN RÀO, UỐNG CHÉN RƯỢU NẤU LẤY  
 TRƯỚC BỮA CƠM RAU TỰ TRỒNG TRONG VƯỜN.



## ĐÀO UYÊN MINH

# THI NHÂN CÀY RUỘNG CUỐC VƯỜN

Đào Uyên Minh (365 ~ 427) sống thời Đông Tấn. Có thuyết nói ông dùng tên Uyên Minh dưới thời Tấn, sau vào thời Nam Bắc triều đổi tên Tiềm. Đào Tiềm tự Nguyên Lượng. Có thuyết lại nói Uyên Minh cũng là tên chữ của ông. Ông tự đặt hiệu Ngũ Liễu Tiên Sinh. Sau khi mất bạn hữu tặng thụy hiệu Tịnh Tiết Cư Sĩ (xem Nhan Đình Chi, Đào Chinh Thổ Lỗi- Văn điếu Đào Tiềm). Đời Đường kị húy Đường Thái Tổ gọi chệch Uyên Minh thành Thâm Minh hoặc Tuyền Minh. Ông người Sài Tang, Tầm Dương - chỗ mà về sau lại chứng kiến cuộc hội ngộ giữa một thi nhân đời Đường với một ca nương (nay thuộc thành phố Cửu Giang tỉnh Giang Tây, nam Trường Giang). Đào Tiềm xuất thân trong một gia đình sĩ hoạn đã đến hồi suy vi. Cổ nội làm đến Đại tư mã, ông nội từng là Thái thú Vũ Xương. Mẹ ông là con gái danh sĩ Đông Tấn Mạnh Gia. Bố ông tạ thế lúc ông 9 tuổi, ba năm sau đó mẹ ông qua đời. Đào Uyên Minh thời trẻ làm quan Tế tửu Giang

Châu, hai lần làm quan Tham quân. Sau cùng làm Huyện lệnh Bành Trạch. Đào Uyên Minh truyền chép trong Tấn Thư (Sử nhà Tấn) kể chuyện Đào Tiềm làm Bành Trạch huyện lệnh chua đầy ba tháng, một hôm Thái thú quận Tầm Dương phái Đốc Buu xuống huyện, nha lại khuyên ông lễ phục cần đai chỉnh tề ra nghênh đón trước. Ông thẹn: "Ta há lại vì 5 đấu gạo (lượng bổng chức huyện lệnh) mà phải khom lưng uốn gối trước đứa trẻ con thôn xóm". Ngay hôm đó treo ấn từ quan, về vườn hẳn. Trước đó trong khoảng 10 năm từ lúc ra làm Tế tửu năm 29 tuổi cho đến năm 39 tuổi bỏ chức Huyện lệnh về thẳng nhà quê, ông đã mấy bận cáo quan ẩn dật. Tính ra từ ngày treo ấn huyện lệnh, về hẳn quê nhà (năm thứ hai niên hiệu Nghĩa Hi đời Tấn An Đế, công lịch 406) cho đến lúc ốm rồi tạ thế (năm thứ tư niên hiệu Nguyên Gia đời Tống Văn Đế, công lịch 427), Đào Uyên Minh một mạch yên nhiên giữa vườn ruộng, sống đời thôn phu, "chồng cày ruộng trước, vợ cuốc

vườn sau" không bèn chân đến nơi huyện thị. Khoảng thời gian hơn 20 năm quy điền này cũng là khoảng đặc ý nhất, sáng tác phong phú nhất trong đời thi nhân.

Đào Uyên Minh tính ham rượu. Sách kể bạn ông là Nhan Đình Chi làm Thái thú quận Thủy An có việc đi qua Tầm Dương vào uống rượu cùng ông. Trước lúc đi để lại khoản tiền lớn, ông đem gửi hết quân rượu uống dần. Huyện cấp mấy mẫu công điền cho ông, ông muốn đem trồng toàn lúa nếp để nấu rượu, vợ không đồng ý nhưng cũng phải chiều cố chống để nửa số ruộng trồng nếp. Giai thoại kể chuyện nấu rượu, ông lật khăn trên đầu xuống để kịp lọc rượu bên lò, tiếp khách chủ uống say trước dặn dò: "Ngã túy dục miên, khanh khả khứ" (Tôi say buồn ngủ, ông cứ về). Nhiều lúc uống say giả bộ đang ôm đàn "tự đệm" lấy nhạc mà hát: "Đàn thúc cầm trung thú, hà lao huyền thượng thanh" (Đàn ca ý thú bên trong, hà tất cứ phải gảy thành tiếng vang). Về sau mấy chữ "Vô

thanh cầm” hoặc “Đàn ông Đào” (Đào cầm) chính là để chỉ ý thú cao nhã của thi nhân.

Thơ văn Uyên Minh nổi tiếng ở đời nhờ phong vận thanh tân tự nhiên. Thực tế thì cho đến đời Nam Bắc triều, người ta còn chưa tán thưởng lắm những bài thơ viết nơi ruộng vườn của họ Đào. Trong Văn Tâm Điều Long không thấy Lưu Hưởng nhắc gì đến Đào Uyên Minh. Thế nhưng đánh giá của Tiêu Thống (501~531, con cả của Lương Vũ Đế - Nam triều, chủ biên bộ Văn Tuyển 30 quyển tuyển chọn các tác phẩm văn chương từ Tiên Tần cho đến đời Lương) dành cho Đào Tiềm thì đã rất cao. Trong số 700 tác phẩm thơ văn chọn vào Văn Tuyển, riêng thơ Đào Tiềm chiếm hơn 10 bài. Thi Phẩm của Chung Vinh xếp thơ Đào Uyên Minh vào hạng trung (trung phẩm). Chung Vinh đánh giá Đào Uyên Minh là ông tổ trong hàng các thi nhân ẩn dật. Chung Vinh cho rằng thơ Đào Uyên Minh có nguồn từ thơ Úng Hưu Liên (thi nhân đời Tam Quốc). Ảnh hưởng của thơ Đào Tiềm lên đến đỉnh cao trong hai thời đại lớn nhất của thơ ca Trung Hoa – thời Đường và thời Tống. Đỗ Phủ tưởng niệm họ

Đào trong những dòng: “Khoan tâm ung thị tửu, Khiển húng mạc quá thi, Thử ý Đào Tiềm giải, Ngô sinh hậu như ki - Để lòng khoáng đảng nhờ chén rượu, tiêu khiển tâm hồn gì bằng thơ. Ý đó Đào Tiềm biết, còn ta thì sinh sau ông” (Phụng kí Hà Nam Vi Doãn trượng nhân). Tô Đông Pha ca ngợi: “Thơ Đào Uyên Minh mới xem như tưởng tản mạn, đọc kĩ mới thấy kì cú... Đại phạm tài cao ý viễn thì mới ẩn chứa được cái diệu ấy, lời thơ tinh túy đến độ thì mới được vậy. Như thợ lành nghề, không để lại dấu vết đao gọt”. Thi hào đời Tống này viết hơn 100 bài họa thơ Đào Tiềm. Vương Ki đời Minh cũng nhận xét tương tự: “Thơ Uyên Minh dưa gọt đến độ tự nhiên, thành ra người đọc chỉ còn thấy sự tuyệt diệu ở chỗ đậm bạc chứ không thấy dấu vết của sự gọt dưa nữa”.

Lần đầu tiên vào thời Lương, thái tử Chiêu Minh Tiêu Thống cho sưu biên thơ văn còn lại của Đào Tiềm thành sách *Đào Uyên Minh tập* (8 quyển). Đích thân ông viết bài tựa (*Đào Uyên Minh tập tựa*) và thiên giới thiệu tác giả (*Đào Uyên Minh truyện*). *Đào Uyên Minh tập* là tập thơ văn đầu tiên biên tập riêng cho một tác gia trong lịch sử văn học

Trung Quốc. Đến thời Bắc Tề, Dương Hưu Chi tăng bổ thành 10 quyển. Các nhà nghiên cứu phát hiện thấy bộ sưu tập để lẫn vào nhiều tác phẩm của người đời sau. Đến thời Bắc Tống mới có bản khắc in *Đào Uyên Minh tập*. Đó chính là bản in sớm nhất sưu tập thơ văn Đào Tiềm dưới thời Trung Quốc hãy còn in mộc bản. Bộ chú giải thơ Đào Tiềm sớm nhất được xem là bộ *Đào Tịnh Tiết thi chú*, 4 quyển) của Thang Hán (Nam Tống), còn bộ chú giải thơ Đào Tiềm lưu hành truyền tụng rộng nhất lại là bộ *Tiên chú Đào Uyên Minh tập* của Lí Công Hoán (đời Nguyên). Chú giải hoàn bị hơn cả cho tác phẩm Đào Uyên Minh phải kể đến bộ *Tịnh Tiết tiên sinh tập chú* của Đào Chú (thời Thanh). Cả hai công trình của Lí Công Hoán và Đào Chú đều được đưa vào Tứ bộ bị yếu.

Thơ Đào Tiềm xúc cảm chân thành, hồn nhiên, đậm bạc dung dị, hay ở ý tưởng toàn bài, không dụng công ở trau chuốt câu chữ cụ thể. Trong thời đại Lục Triều sùng chuộng biến lệ, thể xưa thức cũ mà dám đề xướng một phong cách tự nhiên, giản phác, cốt thực tình chân ý coi nhẹ tu từ gò chữ đẽo lời như Đào Tiềm thực là cả một cống hiến lớn cho



thơ ca Trung Quốc. Ông được xem là ông tổ của thơ ẩn dật, người mở đầu của thơ điển viên Trung Hoa. Ảnh hưởng thơ ca cũng như nhân cách cá nhân của ông đối với văn hóa Trung Hoa là hết sức sâu sắc. Ảnh hưởng đó cũng rất lớn đối các sĩ đại phu Việt Nam. Người Trung Quốc bình thường chỉ ít cũng đọc qua *Quy khứ lai từ*, *Đào hoa nguyên kí*, ít ra nữa cũng thuộc vài câu *Thái cực đồng lí hạ, du nhiên kiến Nam Sơn* (Nhấn nha hái cúc dưới rào, không dung bỗng thấy núi Nam bên nhà, Ẩm tửu – bài 5) hoặc *Chúng đậu Nam Sơn hạ, Thảo thịnh đậu miêu hi* (Trông đậu dưới chân núi Nam, cỏ kia thì tốt đậu này thì thua). Kể từ chữ cũng từng nghe kể chuyện ông Đào Bành Trạch “không vì năm đấu gạo mà khom lưng” từ quan quy ẩn. Đào Tiềm là thi nhân kiệt xuất nhất trong vòng 800 năm kể từ Hán cho đến Nam Bắc triều. Thơ lưu truyền hậu thế còn khoảng hơn 120 bài, có thơ 4 chữ nhưng phần đa là ngũ ngôn, thường được chia thành ba mảng - mảng thơ vịnh rượu, mảng thơ thuật hoài và mảng thơ điển viên. Quy viên điển cư, Hoài cổ điển xá, Ẩm tửu (20 bài), Thuật tửu, Tạp thi (12 bài) Vịnh bản sĩ, Văn ca thi (ba bài) là những bài thơ ngũ ngôn hay nhất thường được nhắc đến nhất của ông. Đào Tiềm là thi nhân Trung Hoa đầu tiên viết nhiều nhất về đề tài ẩm tửu, thế nhưng nhiều nhất, hay nhất vẫn là phần thơ điển viên.

Phần văn tồn thế của ông có 12 thiên

gồm từ phú 3 thiên, vận văn 5 thiên, tản văn 4 thiên. Nhân tình phú làm độc giả nghĩ đến Định tình phú của Trương Hoành và Tĩnh tình phú của Sài Ung, trong khi đó Cảm sĩ bất ngộ được xem là bất chước chuyện Đồng Trọng Thư viết Sĩ bất ngộ phú và chuyện Tư Mã Thiên viết Bi sĩ bất ngộ phú. Quy khứ lai hệ từ là tuyên ngôn từ quan quy ẩn, ca tụng lạc thú sinh hoạt đồng quê, mừng tránh được nô lệ quan quyền. Vận văn có mấy bài văn tế (Tế Trình Thị muội văn, Tế tông đệ Kính Viên văn, Tụ tế văn), một bài tán (Phiến thượng họa tán), một bài thuật (Độc sử thuật cứu chương), một bài số (Dữ Tử Nghiễm đẳng số). Tản văn có truyện, kí. Đó đều là những thiên văn xuôi tự nhiên, giản nhả xa rời văn phong ủy mị, điệu dàng của Lục Triều. Tác phẩm tản văn gồm Tấn cổ chinh tây đại tướng quân trưởng sử Mạnh Phủ Quân (hoặc gọi Mạnh Gia biệt truyện kể chuyện ông ngoại của tác giả), Ngũ Liễu Tiên sinh truyện kể chính mình – một ẩn sĩ trong ngôi nhà bên chái có trồng năm gốc liễu, Đào Hoa nguyên kí sáng tạo hình tượng Thung lũng suối hoa đào có thể sánh với cái huyện tượng xã hội mà phương Tây gọi là Utopia. Văn nhân đời Đường về sau cũng hay lạc lối nguồn đào trong thể truyện kì nhưng phần đa là bay bướm cùng tiên nương chứ không còn vươn đến được tầm lãng mạn của triết ý tự do như Đào Tiềm nữa. Các thiên văn xuôi của Đào Tiềm làm ta nghĩ đến thể truyện ngắn, hồi kí, tự truyện, truyện kí ngày nay. Một số tác

phẩm khác như *Ngũ liễu truyện*, *Tứ bát mục* có trong *Đào Uyên Minh Tập* (10 quyển) soạn dưới thời Bắc Tề bị Kỉ Hiểu Lam (Tứ Khố Toàn Thư Đề Yếu) xem là nguy thác. Lỗ Tấn cũng cho bài bạt cho bộ tiểu thuyết chí quái *Suu Thần kí* cũng là của người đời sau thác danh Đào Tiềm. Lỗ Tấn cho rằng Đào Tiềm tâm trí khoáng đạt, không chắc là người tin chuyện quỷ thần thành thử không cho Suu Thần hậu kí là do Đào Tiềm viết (Trung Quốc tiểu thuyết sử lược, Chương 5 Lục Triều chí quái thu). Thế nhưng ta cũng biết rằng Đào Tiềm thích đọc tập truyện thần thoại *Son Hải Kinh*. Bản thân ông có viết chùm thơ 13 bài thơ thể thuật hoài lấy chuyện trong *Son Hải Kinh* làm đề tài nhan đề *Độc Son Hải Kinh*.

Đào Tiềm mất năm thứ tư niên hiệu Nguyên Gia (công lịch 427). Văn ca thi (bài thứ ba) viết cho mình trước lúc chết có câu: “Tứ khứ hà sở đạo, thác thể đồng sơn a” (Chết đi có gì mà nói, gửi thân về với núi đồi). Văn tế viết sẵn cho mình kết thúc bằng những câu *Chết rồi là cõi trống không, bao nhiêu cảm khái đã thành xa xôi; Không xây mộ không trồng cây, mặc cho ngày lại nối ngày trôi đi. Sinh thời danh vọng không màng, hướng khi đã chết trông gì ngại ca; Nhân sinh đời đã gian nan, chết đi thì có cái gì gớm ghê? Ô hô! Ai tai! Ô hô!*. Đào Tiềm được an táng ở Mã Hối Lĩnh dưới chân núi Nam Sơn, trong khoảng giáp giới giữa huyện Tinh Tử và huyện Cửu Giang tỉnh Giang Tây ngày nay. Đến đời Thanh năm đầu niên hiệu Càn Long con cháu họ Đào trùng tu dựng bia để chữ khắc Tấn Chinh Thổ Đào Công Tịnh Tiết Tiên Sinh Chi Mộ. Bên trái bia khắc mộ chí, bên phải bia khắc giai tác Quy khứ lai hệ từ. Mỹ hiệu “Tịnh Tiết” có thể chỉ mỗi Uyên Minh xứng với nhưng cái tinh thần quy khứ nơi ông thì đã trở thành tài sản tinh thần chung của bao thế hệ văn thi nhân mền từng yêu cúc quanh nhà trong lúc tâm hồn không ngừng mơ động đào nguyên xa vời.

LÊ THỜI TÂN

